

VỊ THẾ CỦA BÌNH DƯƠNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ TỪ GÓC NHÌN ĐỊA LÝ QUÂN SỰ

CAO PHƯƠNG THẢO

Thông qua góc nhìn địa lý quân sự, bài viết tìm hiểu những ảnh hưởng của địa lý đối với hoạt động quân sự, và cách thức mà các lực lượng kháng chiến ở tỉnh Bình Dương đã khai thác các yếu tố địa lý như thế nào, để biến những yếu tố đó thành “địa lợi” cho cuộc kháng chiến. Góc nhìn này giúp lý giải thêm về những dấu ấn riêng và vị thế quan trọng của tỉnh trong cuộc kháng chiến chung của cả dân tộc.

Bình Dương là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ. Trong khoảng từ giữa thế kỷ XX trở lại đây, vùng đất này đã có vài lần thay đổi về hành chính và tên gọi. Trong những năm kháng chiến, phía chế độ Việt Nam Cộng hòa gọi tên tỉnh là Bình Dương, còn phía chính quyền Cách mạng gọi tên tỉnh là Thủ Dầu Một. Sau giải phóng, tỉnh được sát nhập với tỉnh Bình Phước thành tỉnh Sông Bé. Ngày 6/11/1996, Quốc hội Khóa 9 quyết định chia lại tỉnh Sông Bé thành 2 tỉnh như trước đây. Vì vậy, ngày 1/1/1997, tỉnh Bình Dương được tái lập. Hiện tại, tỉnh Bình Dương gồm có 1 thành phố, 4 thị xã và 5 huyện. Về cơ bản, tỉnh không có thay đổi nhiều về địa giới so với trước năm 1975, với diện tích tự nhiên là 2.695,22km². Nằm ở trung tâm của Đông Nam Bộ, phía bắc giáp tỉnh Bình Phước, phía đông giáp tỉnh Đồng Nai, phía tây giáp tỉnh Tây Ninh, phía nam giáp TPHCM, tỉnh Bình Dương trong kháng

chiến hay hiện tại đều là vùng đất để lại những dấu ấn riêng, đóng góp không nhỏ vào quá trình phát triển chung của toàn vùng và của Nam Bộ. Bài viết này tìm hiểu những đóng góp của Bình Dương trong cuộc kháng chiến ở Nam Bộ thông qua góc nhìn từ những yếu tố địa lý tự nhiên mang giá trị địa quân sự của vùng đất này, như vị trí địa lý, đất đai, địa hình, rừng núi, sông suối và khí hậu.

1. NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỊA QUÂN SỰ CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG TRONG KHÁNG CHIẾN

Trong cuốn giáo trình về *Địa lý quân sự Việt Nam* của Cục bản đồ Bộ Tổng tham mưu (10/2005), có viết: xét về mặt quân sự: “Nghiên cứu địa lý quân sự là nhằm áp dụng các quy luật địa lý vào việc tiến hành các công tác quân sự, là sự vận dụng các kiến thức khoa học địa lý nói chung để đạt được sự chính xác và khả năng dự kiến trong việc xem xét những vấn đề quân sự”⁽¹⁾.

Thực tế, trong hai cuộc kháng chiến (1945 - 1975), đặc biệt trong cuộc kháng

Cao Phương Thảo. Chuyên viên. Phòng Tổ chức Cán bộ, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

chiến chống Mỹ, lực lượng cách mạng miền Nam đã tìm hiểu và khai thác những yếu tố địa lý, kinh tế, xã hội ở các địa bàn nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động quân sự nói riêng và cho cuộc kháng chiến nói chung. Điều này cũng là sự tiếp nối kinh nghiệm kháng chiến chống ngoại xâm của ông cha đã được đúc kết trong mấy chữ: “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Trong bài viết này, giá trị địa quân sự mà chúng tôi muốn nói ở đây chính là những yếu tố địa lý của tỉnh đã được lực lượng cách mạng tận dụng, khai thác, trở thành nhân tố “địa lợi” cho cuộc kháng chiến trên địa bàn.

1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Bình Dương nằm ở vào tọa độ từ $10^{\circ}50'27''$ đến $11^{\circ}24'32''$ vĩ độ bắc và từ $106^{\circ}20'$ đến $106^{\circ}25'$ kinh độ đông, là địa bàn chuyển tiếp giữa nam Trường Sơn với các tỉnh Nam Bộ, chiếm vị trí trung tâm Đông Nam Bộ và án ngữ bắc Sài Gòn. Vị trí này đem lại cho tỉnh Bình Dương hai lợi thế về mặt quân sự: có thể làm địa bàn trung chuyển nối các hướng chiến trường và có thể gây áp lực mạnh mẽ ngay sát phía bắc đối với Sài Gòn.

Chế độ Sài Gòn biết rõ điều này nên luôn luôn củng cố khả năng kiểm soát chặt chẽ địa bàn Bình Dương về nhiều mặt: 1) Về hành chính, Việt Nam cộng hòa từng thiết lập ở địa bàn này các tổ chức hành chính đặc biệt như lập tỉnh mới Phước Thành (nằm trùm lên Chiến khu D), hoặc lập Đặc khu Phước Bình Thành (gồm ba tỉnh Bình Long, Phước Long, Phước Thành) nhằm kiểm soát chặt chẽ địa bàn phía bắc, nhất là vùng cận Sài Gòn. Bên

cạnh đó, quân Mỹ và quân Sài Gòn còn khoanh một vùng, mà báo chí vẫn gọi là “Tam giác sắt” (Iron Triangle) với 3 đỉnh: Củ Chi, Bến Cát, Trảng Bàng, làm trọng điểm để đánh phá, hủy diệt; 2) Tập trung lực lượng lớn quân Mỹ và quân Sài Gòn trên địa bàn, lúc cao nhất thường xuyên có 64 - 66 tiểu đoàn để càn quét tiêu diệt quân cách mạng và phòng ngự từ xa). Đây là địa bàn hoạt động thường xuyên của Sư đoàn 1 Anh cả đỏ. Sư đoàn 25 Tia chớp nhiệt đới Mỹ, của Quân đoàn 3 quân đội Sài Gòn (Sư đoàn 25, 18 và 5), Sư đoàn thủy quân lục chiến và nhiều đơn vị nhỏ hơn khác. Để làm điểm tựa cho lực lượng này, quân Mỹ và quân Sài Gòn đã lập tại tỉnh nhiều căn cứ lớn, như Lai Khê, Phú Lợi, Sóng Thần; 3) Là vùng trọng điểm và thí điểm thực hiện các kế hoạch quân sự và binh định: không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc chiến tranh, Bình Dương là địa bàn quân Mỹ và ngụy thực hiện nhiều chiến dịch lớn, như chiến dịch “Trương Tấn Bửu” (tháng 7/1956), chiến dịch “Mặt trời mọc” (tháng 2/1962), hành quân “Phóng hỏa 2” (tháng 3/1963, hành quân Cedar Falls (1966)... Trong đó, hành quân “Mặt trời mọc” là để thí nghiệm kế hoạch dồn dân lập ấp, làm cơ sở cho Ngô Đình Diệm ra “quốc sách áp chiến lược” vào tháng 10/1962. Khu trù mật Khánh Vân (ở Tân Uyên trước đây) và Ấp chiến lược Bến Tượng (ở Bến Cát, 1962) đều được xây dựng để làm hình mẫu cho các kế hoạch binh định ở miền Nam. Còn “hành quân Cedar Falls” (2 – 21/1/1967), là một trong ba cuộc hành quân lớn nhất, khốc liệt nhất trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai của quân Mỹ, nhằm xóa sổ “Tam

giác sát”, nơi có địa đạo Củ Chi và địa đạo nam Bến Cát đang đe dọa sự ổn định của Sài Gòn. Khi quân Mỹ đưa máy bay chiến lược B52 vào chiến trường miền Nam, quân Mỹ cũng lựa chọn chiến trường Bình Dương làm nơi đánh B52 đầu tiên, cụ thể là ngày 18/6/1965, không quân Mỹ đã huy động 27 chiếc B52 dội bom xuống căn cứ Long Nguyên, nơi đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị của tỉnh Bình Dương và của Miền⁽²⁾...

Mặc dù phía Mỹ và Sài Gòn đã hết sức cố gắng kiểm soát Bình Dương, nhưng thực tế lực lượng kháng chiến ở tỉnh Bình Dương⁽³⁾ vẫn tận dụng được hai lợi thế đã nói ở trên. Kế thừa kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống Pháp, tỉnh đã tiếp tục xây dựng tại tỉnh nhiều căn cứ kháng chiến, nổi bật nhất là các căn cứ Long Nguyên, địa đạo Tây Nam Bến Cát (Bến Cát), Chiến khu D (một phần)... Những căn cứ này đều đảm nhiệm hai vai trò, vừa là căn cứ của tỉnh, vừa là căn cứ chung của Đông Nam Bộ và Nam Bộ. Vai trò nổi bật nhất chính là tính chất trung chuyển của các căn cứ này. Từ căn cứ Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền ở Bắc Tây Ninh (Dương Minh Châu), muốn về căn cứ Khu Sài Gòn - Gia Định ở Củ Chi, thì đều phải đi qua Long Nguyên, Nam Bến Cát rồi về Hố Bò (địa đạo Củ Chi). Từ Bù Đốp, Bù Gia Mập (đầu cầu đường vận chuyển chiến lược 559 vào Nam Bộ) muốn về các chiến trường phía đông của Đông Nam Bộ đều phải qua các hành lang của Chiến khu D. Các căn cứ của Bến Cát cũng là cầu nối hai căn cứ lớn của B2 là Chiến khu D và Dương Minh Châu... Đặc biệt, căn cứ địa đạo Nam Bến Cát thực

sự là mối đầu đầu đối với quân Mỹ và quân Sài Gòn, vì nó nối liền với địa đạo Củ Chi (chỉ cách nhau con sông Sài Gòn), và nằm áp sát phía bắc Sài Gòn. Trong suốt cuộc chiến tranh, căn cứ này chính là đầu cầu chuyển tiếp cán bộ, quân và vũ khí của lực lượng cách mạng từ căn cứ đầu não kháng chiến ở Tây Ninh về Sài Gòn. Hoạt động của quân khu Sài Gòn - Gia Định, đặc biệt là hoạt động mạnh mẽ của biệt động nội đô Sài Gòn có đóng góp rất lớn của căn cứ nam Bến Cát. Trong Tổng tiến công Mậu thân 1968, hướng vận chuyển này đã đưa nhiều đơn vị được huấn luyện và vũ khí về Củ Chi và từ đó vào nội đô. Còn trong chiến dịch Hồ Chí Minh tháng 4/1975, Quân đoàn 1 đã từ các vị trí tập kết ở Bình Phước, qua Phú Giáo, rồi theo quốc lộ 13 nhanh chóng tiến về giải phóng Sài Gòn (Trần Thị Nhung, 2002).

1.2. Địa hình và rừng rậm

Địa hình Bình Dương khá đa dạng với phần lớn diện tích là vùng bình nguyên có lượn sóng yếu; bên cạnh đó là vùng núi thấp, vùng địa hình bằng phẳng và vùng thung lũng bãi bồi. Nhìn chung địa hình của tỉnh tương đối bằng phẳng, thấp dần từ bắc xuống nam. Trên địa bàn tỉnh chỉ có hai ngọn núi thấp (núi Châu Thới ở huyện Dĩ An, núi Cạn ở huyện Dầu Tiếng) cùng một số ngọn đồi nhỏ. Đất đai Bình Dương được cấu tạo bởi các lớp phù sa trầm tích từ lâu nên đất rắn, lại nằm trên vùng chuyển tiếp từ cao nguyên xuống đồng bằng nên thế đất cao và khô ráo. Trong thời kỳ kháng chiến, đại bộ phận đất đai được bao phủ bởi những cánh rừng bạt ngàn kéo dài từ bắc xuống nam. Hầu hết các cánh rừng

ở đây là rừng nguyên sinh, với nhiều loài động thực vật phong phú và quý hiếm. Những đặc điểm địa hình này, xét về mặt quân sự, có thể đem lại những lợi thế rất lớn, như: địa hình cao, rộng, tương đối bằng phẳng, lại được rừng che phủ phần lớn sẽ là địa bàn thích hợp cho xây dựng căn cứ địa, đặt các kho tàng, công xưởng, cho hoạt động của các đơn vị chủ lực cần triển khai số quân và binh khí kỹ thuật lớn. Rừng rậm không chỉ có tác dụng “che bộ đội” và “vây quân thù”, mà còn là nguồn cung cấp thức ăn và dược liệu cho cán bộ, bộ đội và du kích. Đất đai rần và khô ráo là điều kiện tốt để xây dựng những công trình ngầm dưới lòng đất như các hầm vũ khí, lương thực, căn cứ địa đạo...

Trong những năm kháng chiến, có thể nói lực lượng kháng chiến đã cố gắng khai thác những lợi thế tự nhiên này. Việc xây dựng nhiều căn cứ địa trên các vùng rừng rậm trong tỉnh đã tạo ra những “hậu phương tại chỗ” và các cơ sở “hậu cần tại chỗ” để cho các đơn vị vũ trang, đặc biệt là các đơn vị chủ lực của Miền và Quân khu 7 có thể đứng chân và thực hiện các trận đánh lớn trên địa bàn. Nhằm mục đích này nên Cục Hậu cần Miền thường xuyên coi địa bàn tỉnh là một khu vực hậu cần lớn của Miền và có một Đoàn hậu cần khu vực đặt Chỉ huy sở tại Long Nguyên. Nếu trong kháng chiến chống Pháp lực lượng kháng chiến chỉ tổ chức được một chiến dịch trên địa bàn tỉnh (chiến dịch Bến Cát), thì trong kháng chiến chống Mỹ, địa bàn Bình Dương là địa bàn hoạt động thường xuyên của bộ đội chủ lực, để lại nhiều chiến công vang dội, có ý nghĩa

lớn về quân sự. Chẳng hạn trận Phước Thành (9/1961) là trận đánh đầu tiên của quân giải phóng vào một tiểu khu (tỉnh lỵ) trong kháng chiến chống Mỹ. Trận đánh có sự tham gia của những cán bộ quân sự tập kết ra miền Bắc mới trở về, được tiến hành khá bài bản về công tác tham mưu, đã gây được niềm tin và tiếng vang cho lực lượng kháng chiến (Quân khu 7, 1994). Chiến thắng Đường Long (Bến Cát, 11/1963) lại đem đến một ý nghĩa khác, nó khẳng định vai trò của bộ đội chủ lực trong bối cảnh các cán bộ lãnh đạo chỉ huy Miền lúc bấy giờ còn đang tranh cãi về vai trò của chủ lực bên cạnh du kích và bộ đội địa phương. Từ sau trận đánh này, lực lượng chủ lực đã được tin tưởng hơn, góp phần quan trọng vào việc đánh bại các cuộc càn quét bình định của quân đội Sài Gòn, làm phá sản “quốc sách Ấp chiến lược”, từ đó tiến lên thực hiện thắng lợi chiến dịch đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ – chiến dịch Bình Giã năm 1964 (Trần Thị Nhung và cộng sự, 1996). Năm 1965, khi quân Mỹ vào chiến trường miền Nam, câu hỏi lớn đặt ra là làm thế nào để đánh thắng Mỹ, lúc đó những chiến thắng đầu tiên của du kích và bộ đội ở Bình Dương (An Điền, Đất Cuốc, Bàu Bàng, Dầu Tiếng), đã mang lại niềm tin và những kinh nghiệm đầu tiên cho toàn chiến trường miền Nam. Có thể nói, những chiến công này đã vượt khỏi ý nghĩa của những trận đánh bình thường, nó có tầm quan trọng về mặt chiến lược, vì đó là một trong những cơ sở thực tiễn nóng bỏng của chiến trường để Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 hạ quyết tâm đánh bại “chiến

lược Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (Hồ Khang, 2014). Trong cuộc phản công Mùa khô lần thứ 2, quân Mỹ cũng phải chịu thất bại khi thực hiện cuộc hành quân Cedar Falls vào vùng Tam giác sắt. Toàn bộ lực lượng kháng chiến tại vùng này vẫn đứng vững chính là nhờ họ có thể dựa vào hệ thống địa đạo kiên cố đã được xây dựng qua nhiều năm. Nếu như bên kia sông Sài Gòn, có địa đạo Củ Chi dài hơn 200km, thì bên này sông Sài Gòn là địa đạo Tây Nam Bến Cát dài 75km (có tài liệu cho rằng nó dài khoảng 100km) thuộc ba xã An Điền, An Tây và An Phú (huyện Bến Cát). Từ đầu cuộc chiến tranh, lợi dụng thế đất cao và khô ráo, nhân dân ba xã đã xây dựng hệ thống địa đạo này. Tuy qui mô không bằng Củ Chi, nhưng nó như cánh tay nối dài cho hệ thống địa đạo Củ Chi được an toàn và liên thông với các căn cứ lớn khác như Chiến khu D hay Dương Minh Châu. Nếu phía Củ Chi bị tiến công quyết liệt, các cơ quan và đơn vị có thể vượt sông Sài Gòn và tạm lánh sang địa đạo Tây Nam Bến Cát, hoặc ngược lại, bởi các địa đạo đều có các cửa vào ngầm dưới lòng sông. Trong cuộc hành quân Cedar Falls, quân Mỹ đã thiêu trụi 11km² rừng, triệt hạ gần hết làng mạc và thị tứ Bến Súc, san ủi 600 ngôi nhà, xới tung phần lớn đất đai mà chúng gọi là “bóc vỏ trái đất”, làm chết và bị thương khoảng 1.000 người dân, gom 15.000 người khác vào khu tập trung. Tuy nhiên các địa đạo quá dài rộng, nhiều góc ngách, nhiều tầng nấc, lực lượng cách mạng lại bám trụ chiến đấu rất ngoan cường, nên quân Mỹ không thể đạt được mục tiêu. Tướng Mỹ S.L.A. Marshall

thừa nhận: “Rất ít quân địch bị đánh bật ra ngoài hoặc bị giết. Hệ thống hầm ngầm không bị triệt phá mà chỉ bị hư hại... Cuộc điều tra cho biết, ngay khi quân của chúng ta chưa rút hết khỏi vùng Tam giác sắt thì Việt cộng đã vào từ trước rồi” (báo War’s Journal Tribune, ngày 26/2/1967) (Bộ quốc phòng, Quân khu 7, 2004, tr 259). Thắng lợi trong cuộc độ sức này, hai căn cứ địa đạo sát phía Bắc Sài Gòn đã đứng vững, góp phần quan trọng vào cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu thân năm 1968 ở nội thành Sài Gòn. Tháng 5/1974, trong cuộc đụng đầu lớn nhất Mùa khô 1974 - chiến dịch Rạch Bắp - Bến Cát, Sư đoàn 9 đã chọc thủng tuyến phòng ngự xung yếu trên đường 7 của quân Sài Gòn, chỉ cách Sài Gòn 50km. Sự kiện này cùng với việc Trung đoàn 16 và tiểu đoàn Quyết Thắng giữ vững vùng giải phóng An Nhơn Tây (Củ Chi), đã đánh thông hành lang từ căn cứ Miền (Lộc Ninh) xuống các căn cứ dọc sông Sài Gòn - Thị Tính (Bời Lời, Long Nguyên, Tây Nam Bến Cát, Củ Chi), đã tạo thuận lợi rất lớn cho liên lạc, vận chuyển từ căn cứ đầu não B2 về Sài Gòn, thúc đẩy việc tạo thế và lực cho lực lượng cách mạng Sài Gòn - Gia Định bắt kịp thời cơ chung của chiến trường vào cuối năm 1974 - đầu năm 1975 (do sau năm 1968, lực lượng của Sài Gòn - Gia Định bị tổn thất nặng, hồi phục có phần chậm hơn). Từ cuối năm 1974 đến đầu năm 1975, quân giải phóng tiếp tục giải phóng các địa bàn khác như toàn bộ tỉnh Phước Long, An Lộc - Chơn Thành, Dầu Tiếng, mở toang cửa ngõ phía bắc cho chủ lực tiến vào Sài Gòn. Quân Sài Gòn co cụm cố thủ tại

Lai Khê, nhưng vị trí này chẳng có ý nghĩa gì nữa. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Quân đoàn 1, sau khi vượt Trường Sơn vào Nam Bộ, đã tiến thẳng xuống Phú Giáo, vòng qua Lai Khê, tiến công căn cứ Phú Lợi (thị xã Thủ Dầu Một), rồi qua Lái Thiêu vào đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu của quân Việt Nam Cộng hòa tại Sài Gòn.

1.3. Những yếu tố địa lý khác

Ngoài những đặc trưng riêng đã nói ở trên, tỉnh Bình Dương cũng mang những đặc điểm chung về địa lý của Đồng Nam Bộ, như khí hậu có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa; hoặc có nhiều con sông chảy qua (sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Bé); có nhiều tuyến đường lộ (quốc lộ 13, quốc lộ 14, tỉnh lộ 1A, liên tỉnh lộ 13, liên tỉnh lộ 16, đường 7...)... Những yếu tố địa lý này đều được lực lượng kháng chiến tìm cách thích nghi hoặc khai thác phục vụ cho cuộc kháng chiến. Chẳng hạn: trong điều kiện các căn cứ đều nằm trong vùng rừng rậm, mùa mưa khí hậu rất ẩm ướt, đường đất đỏ bùn lầy dính chặt khó hành quân, công tác bảo đảm hậu cần khó khăn,... nên lực lượng kháng chiến thường tổ chức các hoạt động tác chiến lớn vào mùa khô, còn thời gian mùa mưa dành để củng cố lực lượng, nghỉ ngơi và luyện quân. Nhưng chế độ này chủ yếu dành cho lực lượng bộ đội chủ lực, và cũng thực hiện luân phiên. Lực lượng địa phương, đặc biệt là du kích vẫn hoạt động bình thường để giữ thế trận chiến tranh nhân dân. Tuy nhiên, cũng có năm lực lượng kháng chiến lại hoạt động mạnh cả trong mùa mưa, gây bất ngờ cho đối phương, như hoạt động quân sự

mùa mưa năm 1974, nhằm “đánh bồi” cho quân Sài Gòn sớm ngã ngựa...; về yếu tố địa lý sông nước trên địa bàn tỉnh, điều này có thể mang lại sự bất lợi về quân sự là làm chiến trường tỉnh bị chia cắt, nhưng lực lượng kháng chiến cũng có thể lợi dụng yếu tố này như những “chiến hào thiên nhiên” để chống trả các cuộc tấn công. Chẳng hạn, lực lượng kháng chiến đã lấy sông Sài Gòn làm vật cản và che chắn khi địch càn quét căn cứ Củ Chi hay Tây Nam Bến Cát. Nếu quân Mỹ và Sài Gòn càn quét “rất” phía Củ Chi thì vượt sông lánh về Tây Nam Bến Cát, và ngược lại. Bên cạnh đó, các con sông còn là nguồn cung cấp nước và thực phẩm quý giá cho các căn cứ. Không phải ngẫu nhiên mà lực lượng kháng chiến của Sài Gòn - Gia Định, Bình Dương và Tây Ninh đã xây dựng hàng loạt căn cứ ở đoạn giao nhau của sông Sài Gòn và Thị Tính. Trong trường hợp này, lực lượng cách mạng rõ ràng đã kết hợp rất tốt các yếu tố địa lợi là đất đất rắn (dù gần sông), rừng rậm cận sông và lòng sông rộng (nhất là ở nơi ngã ba sông). Các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh, một yếu tố địa lý quan trọng khác, trong thực tế mang lại lợi ích nhiều hơn cho quân Mỹ - quân Sài Gòn, vì thuận lợi cho việc hành quân, càn quét bình định và kiểm soát các vùng chiếm đóng. Tuy nhiên chính vì các trục đường giao thông mang ý nghĩa chiến lược như vậy, nên lực lượng cách mạng thường xuyên tổ chức nhiều trận đánh, chiến dịch trên các trục đường giao thông, đặc biệt trên các tuyến đường quốc lộ 13, quốc lộ 14, liên tỉnh lộ 16, lộ 7..., vừa nhằm tiêu diệt sinh lực

địch, vừa có thể phối hợp với các chiến dịch lớn, hoặc tạo thế trận có lợi hơn cho chiến trường... Cho nên, yếu tố địa lý này nhiều lúc lại trở thành bất lợi cho quân Mỹ và Sài Gòn.

2. KẾT LUẬN

Điều kiện địa lý tự nhiên và xã hội của một địa bàn có ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động quân sự trên địa bàn đó. Trong cuộc chiến tranh, ai biết khai thác tốt những đặc điểm địa lý của chiến trường, người đó có thêm khả năng giành thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở tỉnh Bình Dương, lực lượng kháng chiến, trong thế thua kém hơn hẳn đối phương về quân số và vũ khí, nhưng

vẫn bám trụ được chiến trường và chiến đấu, tạo ra những chiến công và thế trận có ý nghĩa chiến lược, đó một phần là vì lực lượng kháng chiến đã biết khai thác tự nhiên, biến những yếu tố địa lý của tỉnh thành “địa lợi” cho hoạt động của mình. Điều này cũng đã khiến cho hoạt động kháng chiến trên địa bàn tỉnh có những nét đặc sắc riêng, tạo nên vị thế quan trọng của tỉnh trong cuộc kháng chiến chung của toàn dân tộc. Từ cách thức của tỉnh Bình Dương khi tham gia vào cuộc kháng chiến chung như vậy trước đây, có thể rút ra những điều bổ ích cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh ngày hôm nay. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ <http://123doc.org/document/674333-dia-ly-quan-su.htm>.

⁽²⁾ Chữ Miền ở đây là từ nói tắt, chỉ B2 (tức vùng Nam Bộ và Cực nam Trung Bộ), đặt dưới sự lãnh đạo chỉ huy của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền.

⁽³⁾ Lực lượng kháng chiến được trình bày ở đây không chỉ bao gồm lực lượng của tỉnh mà còn có nhiều cơ quan, đơn vị cấp trên hoạt động trên địa bàn tỉnh trong suốt cuộc kháng chiến.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ quốc phòng, Quân khu 7. 2004. *Lịch sử Bộ chỉ huy Miền (1961 - 1976)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. 1994. *Lịch sử Bộ Tham mưu Quân khu 7 Miền Đông Nam Bộ (1945 - 1975)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
3. Hồ Khang. 2014. *Vị trí địa chiến lược của Bình Dương qua hoạt động quân sự trên địa bàn này những năm chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*.
4. Trần Thị Nhung (chủ biên). 1996. *Căn cứ của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền trong chiến tranh chống Mỹ (1954 - 1975)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân - Sở Văn hóa Thông tin Sông Bé.
5. Trần Thị Nhung. 2002. *Căn cứ địa miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*. Luận án tiến sĩ (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Khoa học xã hội tại TPHCM).